

Số: /2022/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh
Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy,
chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng
11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của
Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính
sách, pháp luật về Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và
chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính
phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa
cháy;*

*Căn cứ Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy
định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực
lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy
và chữa cháy chuyên ngành;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND, ngày... tháng... năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh số
.../BC-HĐND, ngày ... tháng ... năm 2021; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Các Đội dân phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng

1. Đội trưởng đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ bằng 20% lương tối thiểu vùng/người/tháng.

2. Đội phó đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ bằng 15% lương tối thiểu vùng/người/tháng.

Điều 3. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho một đội dân phòng gồm các loại phương tiện với số lượng sau:

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành, một đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ với danh mục, số lượng sau:

** Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an (khoản 1 Điều 4), gồm:*

TT	Phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng	Số tiền dự kiến (Đồng)
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04kg	Bình	05	Theo quy định của nhà sản xuất	300.000 đ/bình x 5 = 1.500.000
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	Bình	05	Theo quy định của nhà sản xuất	400.000 đ/bình x 5 = 2.000.000
3	Đèn pin (độ sáng 200 lm, chịu nước IPX4)	Chiếc	02	Hỏng thay thế	1.500.000 đ/chiếc x 2 = 3.000.000
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu cacbon cường độ cao)	Chiếc	01	Hỏng thay thế	300.000 đ/chiếc x 1 = 300.000
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100cm)	Chiếc	01	Hỏng thay thế	200.000 đ/chiếc x 1 = 200.000

6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 05kg cán dài 50cm)	Chiếc	01	Hồng thay thế	600.000 đ/chiếc x 1 = 600.000
7	Kìm cộng lực (dài 60cm, tải cắt 60kg)	Chiếc	01	Hồng thay thế	400.000 đ/chiếc x 1 = 400.000
8	Túi sơ cứu loại A (theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế)	Túi	01	Hồng thay thế	1.600.000 đ/túi x 1 = 1.600.000
9	Cáng cứu thương (kích thước 186cm x 51cm x 17cm; tải trọng 160kg)	Chiếc	01	Hồng thay thế	800.000 đ/chiếc x 1 = 800.000
10	Tổng tiền:				10.400.000

(Số tiền bằng chữ: Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)

* Trang bị thêm danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (khoản 2, 3 Điều 4), gồm:

TT	Phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng	Số tiền dự kiến (ĐỒNG)	Ghi chú
1	Quần, áo chữa cháy	Bộ	15	Hồng thay thế	1.900.000đ/bộ x 15 = 28.500.000	Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân
2	Mũ chữa cháy	Cái	15	Hồng thay thế	820.000 đ/chiếc x 15 = 12.300.000	
3	Găng tay chữa cháy	Đôi	15	Hồng thay thế	760.000 đ/đôi x 15 = 11.400.000	
4	Ủng chữa cháy	Đôi	15	Hồng thay thế	1.200.000 đ/đôi x 15 = 18.000.000	
5	Khẩu trang chữa cháy	Đôi	15	Hồng thay thế	80.000 đ/chiếc x 15 = 1.200.000	
6	Dây cứu người	Cuộn	02	Hồng thay thế	3.500.000 đ/cuộn x 02 = 7.000.000	Phương tiện cứu người
7	Tổng tiền				78.400.000	

(Số tiền bằng chữ: Bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)

* Ghi chú: Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân được trang bị theo số lượng thực tế của thành viên từng đội dân phòng.

* Tổng số tiền dự kiến trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho một đội dân phòng trên địa bàn tỉnh là: 10.400.000

+ 78.400.000 = 88.800.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện (Căn cứ quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an. Đồng thời kế thừa quy định về nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng được quy định tại Điều 4 Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa XII) và mục III Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2020 và để bảo đảm cân đối ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tiếp tục quy định nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện PCCC cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh do ngân sách địa phương bảo đảm, tiếp tục thực hiện như Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa XII) và Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Cụ thể:

1. Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng từ nguồn ngân sách địa phương bảo đảm, trong đó:

a) Đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được thành lập ở tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố do ngân sách phường, thị trấn bảo đảm.

b) Đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được thành lập ở thôn thuộc xã của thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và các huyện đồng bằng (trừ các xã bãi ngang ven biển) thì sử dụng 40% ngân sách xã và ngân sách huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ 60%.

c) Đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được thành lập ở thôn thuộc xã miền núi, các xã bãi ngang ven biển, thôn thuộc huyện Lý Sơn (nơi không có đơn vị hành chính cấp xã) do ngân sách huyện hỗ trợ 50% và ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%.

d) Căn cứ số lượng Đội dân phòng đã thành lập và quy định tại điểm a, b, c khoản này, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Kinh phí trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy cho đội dân phòng do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị

phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày.....tháng.....năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng....năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Cục Pháp chế và CCHC, TP; Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, Hội đoàn thể tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT...

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

